

TP. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 04 năm 2026

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH NĂM 2025

I. Tình hình bảo toàn và phát triển vốn tại ITAXA

1. Vốn chủ sở hữu: 262.949.283.996 đồng

Trong đó: - Vốn góp của chủ sở hữu : 255.000.000.000 đồng
- Quỹ đầu tư phát triển : 7.949.283.996 đồng
- Nguồn vốn xây dựng cơ bản : 0 đồng

2. Tổng tài sản: 354.570.070.981 đồng.

3. Lợi nhuận trước thuế: 27.757.804.436 đồng.

4. Lợi nhuận sau thuế: 22.727.128.681 đồng.

5. Hiệu suất sử dụng vốn:

$$\text{- Tỷ suất LN thực hiện trên vốn chủ sở hữu} = 100\% \times \frac{\text{LN thực hiện}}{\text{Vốn CSH bình quân}} = 100\% \times \frac{27.757.804.436}{260.191.068.872} = 10,67\%$$

Chỉ tiêu này đánh giá là 1 đồng vốn đầu tư tạo ra được 0,1067 đồng lợi nhuận trước thuế.

$$\text{- Tỷ suất LN sau thuế trên vốn chủ sở hữu} = 100\% \times \frac{\text{LN sau thuế}}{\text{Vốn CSH bình quân}} = 100\% \times \frac{22.727.128.681}{260.191.068.872} = 8,73\%$$

Chỉ tiêu này đánh giá là 1 đồng vốn đầu tư tạo ra được 0,0873 đồng lợi nhuận sau thuế.

$$\text{- Tỷ suất LN sau thuế trên tổng tài sản} = 100\% \times \frac{\text{LN sau thuế}}{\text{Tổng TS bình quân}} = 100\% \times \frac{22.727.128.681}{348.938.928.882} = 6,51\%$$

Chỉ tiêu này đánh giá là 1 đồng tài sản tạo ra được 0,0639 đồng lợi nhuận sau thuế.

Trong đó, chỉ tiêu vốn chủ sở hữu bình quân và tổng tài sản bình quân được xác định như sau:

$$\text{Vốn chủ sở hữu bình quân} = \frac{261.407.495.746 + 261.407.495.746 + 255.000.000.000 + 262.949.283.996}{4} = 260.191.068.872 \text{ đồng}$$

$$\text{Tổng tài sản bình quân} = \frac{330.566.607.061 + 358.743.509.453 + 351.875.528.032 + 354.570.070.981}{4} = 348.938.928.882 \text{ đồng}$$

II. Việc quản lý, sử dụng vốn và tài sản nhà nước tại ITAXA

1. Tình hình đầu tư Dự án (kèm theo Biểu 02.A): không.

2. Tình hình đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp (kèm theo Biểu 02.B):

- Việc đầu tư vào Công ty con của ITAXA là Công ty Cổ phần Địa Sinh phù hợp với các quy định của pháp luật và năm 2025 công ty kinh doanh có lợi nhuận.

3. Tình hình huy động vốn và sử dụng vốn huy động: không.



4. Tình hình quản lý tài sản, nợ phải thu, nợ phải trả:

+ Tình hình quản lý tài sản:

- * Thẩm quyền quyết định các dự án đầu tư, mua sắm tài sản trong kỳ phù hợp với quy định của pháp luật và điều lệ công ty.
- * Việc trích khấu hao tài sản; thanh lý, nhượng bán tài sản trong kỳ thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Luật số 68/2025/QH15 ngày 14/6/2025 Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp và Nghị định số 366/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp; Luật số 67/2025/QH15 ngày 14/6/2025 Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và Nghị định số 320/2025/NĐ-CP ngày 15/12/2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp.
- * Xử lý hàng hóa thiếu hụt, kém phẩm chất hoặc mất phẩm chất thực hiện theo Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 67/2025/QH15 ngày 14/6/2025 và Nghị định số 320/2025/NĐ-CP ngày 15/12/2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp.
- * ITAXA đã ban hành quy chế về quản lý nợ ngày 28/3/2014 theo quy định tại Nghị định số 206/2013/NĐ-CP ngày 09/12/2013 của Chính phủ về quản lý nợ của doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và tình hình thực hiện quản lý nợ theo quy chế.

+ Tình hình nợ phải thu đến kỳ báo cáo:

Tổng số nợ phải thu khách hàng đến ngày 31/12/2025 là: 23.799.225.461 đồng.

Trong đó:

- * *Nợ phải thu khó đòi: 6.481.925.866 đồng.*
- * *Đã trích lập dự phòng: 6.167.341.447 đồng.*
- * *Xử lý nợ khó đòi trong kỳ báo cáo: 110.000.000 đồng*

+ Tình hình nợ phải trả đến kỳ báo cáo:

- * Tổng số nợ phải trả đến ngày 31/12/2025 là: 91.620.786.985 đồng.

Trong đó: Nợ phải trả quá hạn là: 0 đồng

- * Tỷ số khả năng thanh toán nợ:

$$\text{Khả năng thanh toán hiện thời} = \frac{\text{Tài sản ngắn hạn}}{\text{Nợ ngắn hạn}} = \frac{56.238.176.765}{69.942.728.251} = 0,80$$

$$\begin{aligned} \text{Khả năng thanh toán nhanh} &= \frac{\text{Tài sản ngắn hạn} - \text{Hàng tồn kho}}{\text{Nợ ngắn hạn}} \\ &= \frac{56.238.176.765 - 2.196.738.535}{69.942.728.251} = 0,77 \end{aligned}$$

- * Tỷ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu:

$$\text{Tỷ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu} = 100\% \times \frac{\text{Tổng nợ phải trả}}{\text{Vốn chủ sở hữu}} = 100\% \times \frac{91.620.786.985}{262.949.283.996} = 34,84\%$$

III. Tình hình sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính của ITAXA (kèm theo Biểu 02.C)

1. Sản lượng sản xuất và tiêu thụ trang in offset (13x19) cm: năm 2025 đạt 23.373 triệu trang in đạt 89,90% kế hoạch, tăng 16,66% so với năm 2023 tương đương 3.337 triệu trang in và giảm 1,39% so với năm 2024 tương đương 330 triệu trang in.
2. Chỉ tiêu tài chính:
 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ năm 2025 là 218.238 triệu đồng đạt 109,39% kế hoạch, tăng 27,73% so với năm 2023 tương đương 47.378 triệu đồng, tăng 20,24% so với năm 2024 tương đương 36.741 triệu đồng.
 - Giá vốn hàng bán năm 2025 là 150.126 triệu đồng, tăng 34,37% so với năm 2023 tương đương 38.403 triệu đồng, tăng 21,81% so với năm 2024 tương đương 26.882 triệu đồng.
 - Chi phí bán hàng năm 2025 là 2.529 triệu đồng, tăng 75,63% so với năm 2023 tương đương 1.089 triệu đồng, tăng 31,44% so với năm 2024 tương đương 605 triệu đồng.
 - Chi phí quản lý doanh nghiệp năm 2025 là 59.475 triệu đồng, tăng 13,69% so với năm 2023 tương đương 7.163 triệu đồng, tăng 17,09% so với năm 2024 tương đương 8.679 triệu đồng.
 - Doanh thu hoạt động tài chính năm 2025 là 15.664 triệu đồng đạt 130,53% kế hoạch, tăng 13,16% so với năm 2023 tương đương 1.822 triệu đồng, tăng 25,21% so với năm 2024 tương đương 3.154 triệu đồng.
 - Thu nhập khác năm 2025 là 11.672 triệu đồng đạt 97,27% kế hoạch, tăng 17,74% so với năm 2023 tương đương 1.759 triệu đồng, giảm 7,17% so với năm 2024 tương đương 901 triệu đồng.
 - Chi phí khác năm 2025 là 5.686 triệu đồng, tăng 59,67% so với năm 2023 tương đương 2.125 triệu đồng, tăng 43,62% so với năm 2024 tương đương 1.727 triệu đồng.
 - Lợi nhuận trước thuế năm 2025 là 27.758 triệu đồng, đạt 100,94% kế hoạch, tăng 8,52% so với năm 2023 tương đương 2.179 triệu đồng, tăng 4,13% so với năm 2024 tương đương 1.101 triệu đồng.
 - Lợi nhuận sau thuế năm 2025 là 22.727 triệu đồng, đạt 103,03% kế hoạch, tăng 9,6% so với năm 2023 tương đương 1.991 triệu đồng, tăng 6,41% so với năm 2024 tương đương 1.369 triệu đồng.
3. Hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp thông qua các chỉ tiêu: tỷ suất lợi nhuận thực hiện trên vốn chủ sở hữu, tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE), tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản (ROA).
 - Tỷ suất lợi nhuận thực hiện trên vốn chủ sở hữu là: 10,67%
 - Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE) là: 8,73%
 - Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản (ROA) là: 6,51%
4. Phân tích lưu chuyển tiền tệ trong năm 2025:
 - Lượng tiền mặt doanh nghiệp tạo ra đáp ứng đủ nhu cầu cho các hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động đầu tư và tài chính của doanh nghiệp.
 - Lượng tiền mặt doanh nghiệp tạo ra đáp ứng được việc thanh toán đủ và kịp thời các khoản nợ đến hạn.

IV. Tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước, tình hình phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ, tình hình biến động của Quỹ Hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp tại tập đoàn kinh tế, tổng công ty (kèm theo Biểu 02.Đ)

1. Tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước:
2. Tình hình phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ.

V. Tình hình chấp hành chế độ, chính sách và pháp luật: ITAXA tuân thủ và chấp hành các quy định pháp luật nhà nước bao gồm các lĩnh vực về đầu tư, quản lý và sử dụng vốn nhà nước tại doanh nghiệp, thuế, thu nộp ngân sách, chế độ báo cáo tài chính, báo cáo giám sát tài chính và báo cáo khác, việc thực hiện kết quả thanh tra, kiểm tra theo các nội dung quy định.

VI. Giải trình của doanh nghiệp đối với các ý kiến đánh giá của doanh nghiệp kiểm toán độc lập, ý kiến của Kiểm soát viên, của cơ quan đại diện chủ sở hữu và cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về báo cáo tài chính của doanh nghiệp

VII. Tình hình thực hiện việc cơ cấu lại vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp, cơ cấu lại vốn của doanh nghiệp đầu tư tại công ty con, công ty liên kết

CHỦ TỊCH KIỂM GIÁM ĐỐC



Nguyễn Đức Trọng

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ HUY ĐỘNG VỐN ĐỂ ĐẦU TƯ VÀO CÁC DỰ ÁN HÌNH THÀNH TSCĐ VÀ XDCB

(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

TT	Tên dự án	Quyết định phê duyệt	Tổng mức vốn đầu tư (triệu đồng)					Thời gian đầu tư theo kế hoạch	Nguồn vốn huy động			Thực hiện đến ngày 31/12/2025			Giải ngân đến ngày 31/12/2025(triệu đồng)			Giá trị TS đã hình thành và đưa vào sử dụng
			Tổng	Vốn chủ sở hữu	%	Vốn huy động	%		Tổng số	Thời hạn vay	Lãi suất (%)	Kỳ trước chuyển sang	Thực hiện trong kỳ	Thực hiện đến hết ngày 31/12/2025	Kỳ trước chuyển sang	Thực hiện trong kỳ	Thực hiện đến hết ngày 31/12/2025	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
A Các nhóm dự án A																		
I																		
B Các nhóm dự án B																		
I																		
C Các nhóm dự án khác																		
I																		

Người lập biểu
(Ký)

Kế toán trưởng
(Ký)



Trần Ngọc Thành

Đặng Thị Ngọc Hiếu

Nguyễn Đức Trọng

BÁO CÁO TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT VÀ ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NĂM 2025
(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

Đơn vị: triệu đồng

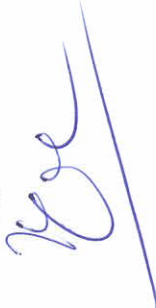
STT	Tên công ty con, công ty liên kết	Vốn góp của doanh nghiệp, giá trị đầu tư							Vốn Điều lệ	Vốn chủ sở hữu của công ty con, công ty liên kết	Doanh thu		Lợi nhuận sau thuế		Cổ tức hoặc lợi nhuận được chia của năm báo cáo	Tỷ lệ LN được chia trên vốn đầu tư (%)	Hệ số khả năng thanh toán nợ đến hạn của Cty con, Cty liên kết	Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu của Cty con, cty liên kết
		Giá trị vốn góp			Tỷ lệ vốn góp (%)													
		Kế hoạch	Năm 2024	Tại thời điểm 31/12/2025	Kế hoạch	Năm 2024	Tại thời điểm 31/12/2025											
(1)	(2)	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16-15/5	17		
I	Đầu tư vào công ty con																	
	- Công ty CP Địa Sinh		22.785	22.785		72,09%	72,09%	27.400	31.605	51.664	42.773	2.389	1.587	3.304	14,50%	4,67	0,26	
II	Đầu tư vào công ty liên kết																	
III	Đầu tư tài chính khác																	

Người lập biểu
(Ký)



Trần Ngọc Thành

Kế toán trưởng
(Ký)



Đặng Thị Ngọc Hiếu



TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH NĂM 2025
(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

ĐVT: triệu đồng, triệu trang

Nội dung	Năm 2023	Năm 2024	Thực hiện năm 2025		Biến động so với (tỷ lệ %)		
			Kế hoạch năm	Thực hiện	Năm 2023	Năm 2024	Kế hoạch năm
	1	2	3	4	5=4/1	6=4/2	7=4/3
A.Chỉ tiêu sản xuất kinh doanh							
1.Sản lượng sản xuất (trang in offset 13x19cm)	20.036	23.703	26.000	23.373	116,66%	98,61%	89,90%
2.Sản lượng tiêu thụ (trang in offset 13x19cm)	20.036	23.703	26.000	23.373	116,66%	98,61%	89,90%
3.Tồn kho cuối kỳ							
B.Chỉ tiêu tài chính							
1.DT thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	170.860	181.497	199.500	218.238	127,73%	120,24%	109,39%
2.Giá vốn bán hàng	111.723	123.244		150.126	134,37%	121,81%	
3.LN gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	59.137	58.253		68.112	115,18%	116,92%	
4.Doanh thu hoạt động tài chính	13.842	12.510	12.000	15.664	113,16%	125,21%	130,53%
5.Chỉ phí tài chính							
6.Chỉ phí bán hàng	1.440	1.924		2.529	175,63%	131,44%	
7.Chỉ phí quản lý doanh nghiệp	52.312	50.796		59.475	113,69%	117,09%	
8.Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	19.227	18.043		21.772	113,24%	120,67%	
9.Thu nhập khác	9.913	12.573	12.000	11.672	117,74%	92,83%	97,27%
10.Chỉ phí khác	3.561	3.959		5.686	159,67%	143,62%	
11.Lợi nhuận khác	6.352	8.614		5.986	94,24%	69,49%	
12.Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	25.579	26.657	27.500	27.758	108,52%	104,13%	100,94%
13.Chỉ phí thuế TNDN hiện hành	4.843	5.299		5.031	103,88%	94,94%	
14.Chỉ phí thuế TNDN hoãn lại							
15.Lợi nhuận sau thuế TNDN	20.736	21.358	22.000	22.727	109,60%	106,41%	103,30%

Người lập biểu
(Ký)

Trần Ngọc Thành

Kế toán trưởng
(Ký)

Đặng Thị Ngọc Hiếu



Nguyễn Đức Trọng

A. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

ĐVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	Số còn phải nộp năm trước chuyển sang	Số phát sinh phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số còn phải nộp chuyển sang kỳ sau
1. Thuế	2.033.317.573	22.206.403.656	22.249.975.842	1.989.745.387
- Thuế GTGT	26.462.090	8.127.290.325	7.727.073.538	426.678.877
- Thuế TNDN	1.696.884.549	5.030.675.755	5.605.830.535	1.121.729.769
- Thuế xuất, nhập khẩu	-			-
- Thuế đất	-			-
- Các khoản thuế khác	309.970.934	9.048.437.576	8.917.071.769	441.336.741
2. Các khoản phải nộp khác	-	-	-	-
- Phí, lệ phí	-	-	-	-
- Các khoản phải nộp khác	-	-	-	-
3. Nộp Ngân sách nhà nước (Quỹ Hỗ trợ và phát triển DN) phần lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp theo quy định	918.069.478		1.818.069.478	(900.000.000)

B. TÌNH HÌNH TRÍCH LẬP VÀ SỬ DỤNG CÁC QUỸ NĂM 2025

(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

Chỉ tiêu	Dư đầu năm	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Dư cuối kỳ
1. Quỹ đầu tư phát triển	6.407.495.746	7.949.283.996	6.407.495.746	7.949.283.996
2. Quỹ khen thưởng phúc lợi	30.341.085.575	14.784.864.685	7.295.424.000	37.830.526.260
3. Quỹ thưởng VCQLDN	400.681.112		259.663.000	141.018.112
4. Quỹ hỗ trợ sắp xếp DN	-	-	-	-
5. Quỹ đặc thù khác (nếu có)	-	-	-	-

Ghi chú:

* Mục 1. Quỹ đầu tư phát triển giảm trong kỳ do ITAXA đã nộp số tiền 6.407.495.746 đồng là tiền chênh lệch giữa vốn chủ sở hữu và vốn điều lệ vào ngân sách nhà nước theo Nghị định số 148/2021/NĐ-CP của Chính phủ và Quyết định số 122/QĐ-TTX của Tổng Giám đốc TTXVN ngày 31/7/2025

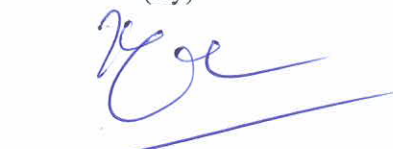
* Mục 2. Quỹ khen thưởng phúc lợi tăng trong kỳ là: 14.784.864.685đ, trong đó số tiền: 14.777.844.685đ được trích lập từ lợi nhuận sau thuế và số tiền: 7.020.000đ là tiền thưởng nhận bằng khen của Tổng Giám đốc TTXVN.

Người lập biểu
(Ký)



Trần Ngọc Thành

Kế toán trưởng
(Ký)



Đặng Thị Ngọc Hiếu

Chủ tịch kiêm Giám đốc
(Ký, đóng dấu)



Nguyễn Đức Trọng

BÁO CÁO KẾT QUẢ GIÁM SÁT TÀI CHÍNH
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA SINH
NĂM 2025

1. Tình hình sản xuất kinh doanh:

- Tổng doanh thu năm 2025 là 42.773 triệu đồng, giảm 17,21% so với năm 2024 tương đương 8.891 triệu đồng.
- Tổng chi phí năm 2025 là 40.789 triệu đồng, giảm 16,16% so với năm 2024 tương đương 7.863 triệu đồng.
- Lợi nhuận trước thuế năm 2025 là 1.984 triệu đồng, giảm 34,13% so với năm 2024 tương đương 1.028 triệu đồng.
- Lợi nhuận sau thuế năm 2025 là 1.587 triệu đồng, giảm 33,57% so với năm 2024 tương đương 802 triệu đồng.

2. Hiệu quả đầu tư vốn:

$$\begin{aligned} 2.1 \quad \text{Hệ số bảo toàn vốn} &= \frac{\text{Vốn chủ sở hữu của DN tại thời điểm báo cáo}}{\text{Vốn chủ sở hữu của DN cuối kỳ trước liền kề}} \\ &= \frac{32.797.811.083}{32.797.811.083} = 1,00 \end{aligned}$$

Hệ số bảo toàn vốn = 1: Công ty Cổ phần Địa Sinh bảo toàn vốn.

$$\begin{aligned} 2.2 \quad \text{Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn đầu tư của chủ sở hữu} &= 100\% \times \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế}}{\text{Vốn đầu tư của chủ sở hữu}} \\ &= 100\% \times \frac{1.586.720.640}{31.604.564.975} = 5,02\% \end{aligned}$$

Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn đầu tư của chủ sở hữu là: 5,02%, chỉ tiêu này đánh giá đầu tư 1 đồng vốn tạo ra được 0,0502 đồng lợi nhuận sau thuế.

3. Tình hình tài chính:

$$\begin{aligned} 3.1 \quad \text{Khả năng thanh toán} &= \frac{\text{Tài sản ngắn hạn}}{\text{Nợ ngắn hạn}} \\ &= \frac{41.663.010.372}{8.915.287.996} = 4,67 \\ 3.2 \quad \text{Hệ số nợ phải trả trên} &= \frac{\text{Tổng nợ phải trả}}{\text{Nguồn vốn chủ sở hữu}} \\ &= \frac{8.915.287.996}{34.507.163.976} = 0,26 \end{aligned}$$

TP.HCM, ngày 13 tháng 04 năm 2026

Đại diện chủ sở hữu
(Ký, đóng dấu)



Nguyễn Đức Trọng

ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG VÀ XẾP LOẠI DOANH NGHIỆP NĂM 2025

Tên công ty: CÔNG TY TNHH MTV ITAXA

Loại hình DN: DOANH NGHIỆP 100% VỐN NHÀ NƯỚC

(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

Chỉ tiêu 1 (triệu đồng)			Chỉ tiêu 2				Chỉ tiêu 3				Chỉ tiêu 4 xếp loại xếp loại	Chỉ tiêu 5 xếp loại xếp loại	Xếp loại DN
Doanh thu và thu nhập khác			Lợi nhuận (triệu đồng)		Vốn CSH bình quân (triệu đồng)		Tỷ suất LN/Vốn (%)		Khả năng thanh toán nợ đến hạn		Nợ quá hạn (triệu đồng)	Xếp loại	
KH	TH	Xếp loại	KH	TH	KH	TH	KH	TH	TSNH (triệu đồng)	Nợ NH (triệu đồng)	TSNH/ Nợ NN (lần)		
223.500	245.575	A	22.000	22.727	261.905	260.191	8,40%	8,73%	56.246	69.951	0,80	B	A

Người lập biểu
(Ký)

Trần Ngọc Thành

Trần Ngọc Thành

Kế toán Trưởng
(Ký)

Đặng Thị Ngọc Hiếu

Đặng Thị Ngọc Hiếu

Chủ tịch kiêm Giám đốc
(Ký, đóng dấu)



Nguyễn Đức Trọng

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA NGƯỜI QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP
NĂM 2025

(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

STT	Tên doanh nghiệp	Tỷ suất Lợi nhuận / Vốn CSH			Kết quả xếp loại DN	Tình hình chấp hành tiêu chí đánh giá kết quả hoạt động của Người quản lý doanh nghiệp	Xếp loại hoạt động Người quản lý doanh nghiệp
		Kế hoạch	Thực hiện	% Thực hiện/ Kế hoạch			
1	2	3	4	5	6	7	8
1	Công ty TNHH MTV ITAXA	8,4%	8,73%	103,93%	A	A	A

Người lập biểu
(Ký)



Trần Ngọc Thành

Kế toán trưởng
(Ký)



Đặng Thị Ngọc Hiếu

Chủ tịch kiêm Giám đốc
(Ký, đóng dấu)



Nguyễn Đức Trọng